

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2024
V/v “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Nguyệt Mai
2/ Ông Lâm Văn Vô

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân - Cán bộ Toà
án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận N, Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
300/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc “Không công nhận
quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2024/QĐXXST-
HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953 (có mặt)
Địa chỉ: 51B Khóm T, Phường S, Thành phố V, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Diệp T, sinh năm 1939 (có mặt)
Địa chỉ: 179 Lầu 1, đường H, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá
trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Năm 1980 bà có quen biết với ông Diệp T ở tỉnh V. Bà S và ông T không tổ
chức đám cưới và không đăng ký kết hôn vì ông T có vợ là bà Lâm Tú T, hiện ông
T và bà T chưa ly hôn. Sau đó ông T trở về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, nên
bà không liên lạc với ông T từ năm 2007 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét
giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T có một con chung tên Diệp Từ H (nam), sinh ngày 07/10/1984, đã trưởng thành và có đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T cùng tự khai không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T cùng tự khai không có nợ và nghĩa vụ dân sự chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn – Ông Diệp T trình bày:

Năm 1979, ông là xã viên Hợp tác xã Dệt khăn rằn Thống nhất, thị xã V, công việc rất nặng nhọc, ăn lương theo sản phẩm, tiền lương vừa đủ cho bản thân. Ông cư ngụ tại số nhà 13 đường Đ, Phường 3, Thị xã V, tỉnh V. Năm 1980, ông có quen bà Nguyễn Thị S, bán vé số dạo ở thị xã V. Năm 1983, vợ ông là bà Lâm Tú T (sinh năm 1943), chưa ly hôn với ông và đưa năm đứa con lên Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống tại nhà ba má vợ số 179 Lầu 1, đường H, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, còn ông ở lại thị xã V. Do đó ông có quen biết bà Nguyễn Thị S nên có tình cảm. Tuy nhiên ông và Bà S không sống chung, không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn, ông chưa ly hôn với bà Lâm Tú T. Năm 2007 ông trở về Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cùng vợ Lâm Tú T và các con, từ đó không có liên lạc với Bà S. Hai bên có một con chung tên Diệp Từ H (nam), sinh ngày 07/10/1984 (đã trưởng thành), không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

+ Về quan hệ hôn nhân: ông đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Diệp Từ H (nam), sinh ngày 07/10/1984 (đã trưởng thành). Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có nợ và nghĩa vụ dân sự chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn ông Diệp T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý giải quyết và việc xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S yêu cầu được ly hôn với

ông Diệp T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Diệp T có nơi cư trú tại Quận N nên căn cứ khoản 1, Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo sự thừa nhận của bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T, họ quen biết nhau như vợ chồng từ năm 1980, trong khi ông T đang tồn tại quan hệ hôn nhân với bà Trần. Căn cứ theo điểm c.1 phần 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

Do đó việc bà Nguyễn Thị S yêu cầu ly hôn với ông Diệp T là có cơ sở, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Nguyễn Thị S.

[2.3] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 297, quyền số 02 do Ủy ban nhân dân phường 6, thị xã V, tỉnh V cấp ngày 09/12/2003 có cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T có 01 con chung tên là Diệp Từ H (nam), sinh ngày 07/10/1984. Hiện con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 57, 58, Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm c.1 phần 1 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T là vợ chồng.

[1.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T có một con chung tên Diệp Từ H (nam), sinh ngày 07/10/1984 đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[1.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị S và ông Diệp T cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm vì là người cao tuổi và có đơn xin miễn, giảm án phí, lệ phí ngày 22/11/2023 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

[3] Quyền kháng cáo: Ông Diệp T, bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

[4] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận N;
- Chi cục THADS Quận N;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thanh Trang

